

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An có nhu cầu tiếp nhận báo giá lần 2 để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm các mặt hàng hóa chất không thuộc Thông tư số 04/2017/TT-BYT năm 2024 tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An thuộc dự toán cung ứng các mặt hàng vật tư y tế, hóa chất (lần 2) năm 2024 tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An.
 - Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: DS Lê Thị Kiên – Nhân viên Khoa dược - Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An. Số điện thoại liên hệ: 0976448884.
 - Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Bệnh viện nhận trực tiếp báo giá bản cứng tại địa chỉ: DS Lê Thị Kiên, SĐT: 0976448884. Khoa Dược, Bệnh viện HNĐK Nghệ An, Km Số 5, Đại lộ Lê Nin, Xóm 14, Xã Nghi Phú, Thành Phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.
 - Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 08 tháng 12 năm 2023 đến trước 17h ngày 18 tháng 12 năm 2023
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục thiết bị y tế
 - Danh mục thiết bị y tế Nhà sản xuất/Nhà cung cấp xem chi tiết tại *phụ lục 1 đính kèm*

Lưu ý: Nhà sản xuất/Nhà cung cấp thực hiện báo giá theo mẫu tại *phụ lục 2 đính kèm*.
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Giao hàng trực tiếp về Kho Khoa Dược, Bệnh viện HNĐK Nghệ An, Km Số 5, Đại lộ Lê Nin, Xóm 14, Xã Nghi Phú, Thành Phố



Handwritten signature or mark.

Vinh, Tỉnh Nghệ An. Trong quá trình vận chuyển, hàng hóa được bảo quản theo yêu cầu của nhà sản xuất.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Sau khi ký hợp đồng. Thời gian giao hàng không chậm hơn 5 ngày làm việc kể từ ngày Khoa được đặt hàng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không yêu cầu.

5. Các thông tin khác (nếu có): Không yêu cầu.

Bên chào giá đồng ý cho Bệnh viện được quyền sử dụng hoặc loại bỏ các bản báo giá mà không phải thông báo về lý do với đơn vị tham gia chào giá.

Bản báo giá của Quý công ty sẽ là căn cứ để Bệnh viện thực hiện các bước tiếp theo của quy trình mua sắm, rất mong nhận được sự quan tâm và tham gia từ phía các công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc (để b/c);
- Website bệnh viện;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC



★ **Nguyễn Văn Hương**



**DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG HÓA CHẤT KHÔNG THUỘC THÔNG TƯ SỐ 04/2017/TT-BYT NĂM 2024 TẠI BỆNH VIỆN HỮU NGHÍ
ĐA KHOA NGHỆ AN**

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất
1	HT34	Gel cất lạnh mẫu	Dạng lỏng, dùng trong phân đoạn làm lạnh mẫu mô.	≥ 100mL/Chai	Chai	40
2	HT61	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định tính và bán định lượng các thông số xét nghiệm nước tiểu	Hóa chất kiểm tra chất lượng mức 2 sử dụng trên máy phân tích nước tiểu. Phân tích ít nhất các thông số: Albumin, Bilirubin, Blood, Creatinine, Glucose, Ketones, Leukocytes , Nitrite, pH, Protein (Total), Specific Gravity, Urobilinogen.	≥144ml/ Hộp	Hộp	6
3	HT62	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định tính và bán định lượng các thông số xét nghiệm nước tiểu	Hóa chất kiểm tra chất lượng mức 1 sử dụng trên máy phân tích nước tiểu. Phân tích ít nhất các thông số: Albumin, Bilirubin, Blood, Creatinine, Glucose, Ketones, Leukocytes , Nitrite, pH, Protein (Total), Specific Gravity, Urobilinogen.	≥144ml/ Hộp	Hộp	6
4	HT68	Hóa chất xét nghiệm GALT dùng cho sàng lọc sơ sinh	Hóa chất xét nghiệm Galactose-1-phosphate uridyl transferase dùng cho sàng lọc sơ sinh trên máy bán tự động bằng kỹ thuật huỳnh quang	≥ 960 test/Kit	Kit	1
5	HT80	Keo gắn lamén	Hóa chất kết dính, chống phai màu thuốc nhuộm.	≥100ml/Chai	Chai	30



STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất
6	HT81	Khoanh giấy làm kháng sinh đồ cho vi khuẩn	Khoanh giấy tẩm kháng sinh theo nồng độ sẵn Bao gồm ít nhất có cái loại sau: Amikacin 30µg, Gentamicin 10µg, Ertapenem 10µg, Ampicillin/Sulbactam 10µg/10µg, Piperacillin 100µg, Azithromycin 15µg, Fosfomycin 200µg, Aztreonam 30µg, Imipenem 10µg, Cefepime 30µg, Levofloxacin 5µg, Linezolid 30µg, Cefotaxime 30µg, Cefoxitin 30µg, Netilmicin 30µg, Ceftazidime 30µg, Ceftriaxone 30µg, Piperacillin 100µg, Cefuroxime 30µg, Piperacillin/Tazobactam 100µg/10µg, Tobramycin 10µg, Ciprofloxacin 5µg, Vancomycin 30µg, Clindamycin 2µg, Sulphamethoxazole/ trimethoprim 23,75µg/1,25µg, Amoxicillin/acid clavulanic 20µg/10µg, Doxycycline 30µg.		Khoanh Giấy	150.000
7	HT85	Môi trường kiểm tra tính nhạy cảm kháng sinh của vi sinh vật	Môi trường được sử dụng để kiểm tra tính nhạy cảm kháng sinh của vi sinh vật. Thành phần ít nhất bao gồm: acid hydrolysate của casein, beef extract, tinh bột, Sodium chloride, Agar. Độ pH ≥ 7,1 và pH ≤ 7,5 ở 25°C	≥ 500 Gam/Hộp	Hộp	8
8	HT89	Môi trường nuôi cấy và phân biệt các loại nấm	Môi trường được sử dụng để nuôi cấy và phân biệt các loại nấm. Thành phần ít nhất bao gồm: peptone, Glucose/Dextrose, Agar. Độ pH ≥ 5,4 ở 25°C.	≥ 500 Gam/Hộp	Hộp	5
9	HT96	Ống nghiệm chứa máu kháng đông EDTA - K2	Chất liệu ống: Nhựa y tế Polypropylen. Kích thước: đường kính ≥ 12mm và ≤ 14mm, chiều dài ≥ 72mm và ≤ 75mm. Nắp nhựa. Ống có chứa hóa chất: Ethylenediaminetetraacetic acid		Ống/Cái	200.000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất
10	HT97	Ống nghiệm chứa máu kháng đông EDTA - K2	Chất liệu ống: Nhựa y tế Polypropylen. Kích thước: đường kính $\geq 12\text{mm}$ và $\leq 14\text{mm}$, chiều dài $\geq 72\text{mm}$ và $\leq 75\text{mm}$. Nắp nhựa. Ống có chứa hóa chất: Ethylenediaminetetraacetic acid. Đạt tiêu chuẩn CE.		Ống/Cái	40.000
11	HT98	Ống nghiệm chứa máu kháng đông EDTA - K2 chân không	Chất liệu ống: Nhựa Polyethylene terephthalate. Kích thước: đường kính $\geq 12\text{mm}$ và $\leq 14\text{mm}$, chiều dài $\geq 72\text{mm}$ và $\leq 75\text{mm}$. Ống có chứa hóa chất: Ethylenediaminetetraacetic acid. Đạt tiêu chuẩn CE.		Ống/Cái	200.000
12	HT99	Ống nghiệm chứa máu kháng đông EDTA - K2, nắp cao su	Chất liệu ống: Nhựa y tế Polypropylen. Kích thước: đường kính $\geq 12\text{mm}$ và $\leq 14\text{mm}$, chiều dài $\geq 70\text{mm}$ và $\leq 75\text{mm}$. Nắp cao su. Ống có chứa hóa chất: Ethylenediaminetetraacetic acid.		Ống/Cái	300.000
13	HT100	Ống nghiệm chứa máu kháng đông EDTA - K2, nắp cao su	Chất liệu ống: Nhựa y tế Polypropylen. Kích thước: đường kính $\geq 12\text{mm}$ và $\leq 14\text{mm}$, chiều dài $\geq 72\text{mm}$ và $\leq 75\text{mm}$. Nắp cao su. Ống có chứa hóa chất: Ethylenediaminetetraacetic acid. Đạt tiêu chuẩn CE.		Ống/Cái	100.000
14	HT101	Ống nghiệm chứa máu kháng đông Heparin	Chất liệu ống: Nhựa y tế Polypropylen. Kích thước: đường kính $\geq 12\text{mm}$ và $\leq 14\text{mm}$, chiều dài $\geq 72\text{mm}$ và $\leq 75\text{mm}$. Ống có chứa hóa chất: Heparine Lithium		Ống/Cái	800.000
15	HT102	Ống nghiệm chứa máu kháng đông Heparin	Chất liệu ống: Nhựa y tế Polypropylen. Kích thước: đường kính $\geq 12\text{mm}$ và $\leq 14\text{mm}$, chiều dài $\geq 72\text{mm}$ và $\leq 75\text{mm}$. Ống có chứa hóa chất: Heparine Lithium. Đạt tiêu chuẩn CE.		Ống/Cái	500.000
16	HT103	Ống nghiệm chứa máu kháng đông Heparin chân không	Chất liệu ống: Nhựa Polyethylene terephthalate. Kích thước: đường kính $\geq 12\text{mm}$ và $\leq 14\text{mm}$, chiều dài $\geq 72\text{mm}$ và $\leq 75\text{mm}$. Ống có chứa hóa chất: Heparine Lithium		Ống/Cái	300.000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất
17	HT104	Ống nghiệm chứa máu kháng đông Natri Citrate 3,8%	Chất liệu ống: Nhựa y tế Polypropylen. Kích thước: đường kính $\geq 12\text{mm}$ và $\leq 14\text{mm}$, chiều dài $\geq 72\text{mm}$ và $\leq 75\text{mm}$. Ống có chứa hóa chất: Trisodium Citrate 3,8%		Ống/Cái	180.000
18	HT105	Ống nghiệm chứa máu kháng đông Natri Citrate 3,8%	Chất liệu ống: Nhựa y tế Polypropylen. Kích thước: đường kính $\geq 12\text{mm}$ và $\leq 14\text{mm}$, chiều dài $\geq 72\text{mm}$ và $\leq 75\text{mm}$. Ống có chứa hóa chất: Trisodium Citrate 3,8%. Đạt tiêu chuẩn CE.		Ống/Cái	40.000
19	HT106	Ống nghiệm Serum chân không	Chất liệu ống: Nhựa Polyethylene terephthalate. Kích thước: đường kính $\geq 12\text{mm}$ và $\leq 14\text{mm}$, chiều dài $\geq 72\text{mm}$ và $\leq 75\text{mm}$. Ống có chứa hóa chất hoạt hóa đông máu.		Cái	4.800
20	HT112	Test nhanh chẩn đoán cúm A,B	Phát hiện kháng nguyên vi rút Cúm A và cúm B trong dịch mũi họng. Cúm A: Độ nhạy $\geq 86\%$. Độ đặc hiệu $\geq 94\%$ Cúm B: Độ nhạy $\geq 90\%$. Độ đặc hiệu $\geq 96\%$.		Test	8.000
21	HT113	Test nhanh chẩn đoán cúm A,B	Phát hiện kháng nguyên vi rút Cúm A và cúm B trong dịch mũi họng. Cúm A: Độ nhạy $\geq 86\%$. Độ đặc hiệu $\geq 94\%$ Cúm B: Độ nhạy $\geq 90\%$. Độ đặc hiệu $\geq 96\%$. Đạt tiêu chuẩn: CE		Test	2.000
22	HT120	Test nhanh chẩn đoán Marijuana (Cần Sa)	Phát hiện chất gây nghiện THC (Marijuana - Cần sa) trong nước tiểu người. Độ nhạy $\geq 99,8\%$. Độ đặc hiệu $\geq 99,6\%$.		Test	1.000
23	HT121	Test nhanh chẩn đoán Malaria	Phát hiện kháng nguyên ký sinh trùng sốt rét Plasmodium falciparum và Plasmodium vivax. Độ nhạy $\geq 90\%$. Độ đặc hiệu $\geq 98\%$.		Test	3.000

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản theo yêu cầu chuyên môn	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất
24	HT122	Test nhanh chẩn đoán Malaria	Phát hiện kháng nguyên ký sinh trùng sốt rét Plasmodium falciparum và Plasmodium vivax. Độ nhạy $\geq 90\%$. Độ đặc hiệu $\geq 98\%$. Đạt tiêu chuẩn CE.		Test	1.000
25	HT136	Test nhanh kháng thể sốt xuất huyết	Phát hiện và phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng các type virus Dengue 1, 2, 3, 4. Độ nhạy $\geq 94\%$ (IgG), Độ nhạy $\geq 94\%$ (IgM). Độ đặc hiệu $\geq 96\%$ (IgG), Độ đặc hiệu $\geq 96\%$ (IgM).		Test	4.000
26	HT137	Test nhanh kháng thể sốt xuất huyết	Phát hiện và phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng các type virus Dengue 1, 2, 3, 4. Độ nhạy $\geq 94\%$ (IgG), Độ nhạy $\geq 94\%$ (IgM). Độ đặc hiệu $\geq 96\%$ (IgG), Độ đặc hiệu $\geq 96\%$ (IgM). Đạt tiêu chuẩn CE.		Test	2.000
27	HT139	Thạch máu	Môi trường để nuôi cấy các loại vi sinh vật. Thành phần ít nhất bao gồm: Pepton, Natri Chlorid, Agar. Độ pH $\geq 7,1$ và $\leq 7,5$ ở 25 độ C.	≥ 500 Gam/Hộp	Hộp	10
28	HT143	Thanh xác định nồng độ ức chế tối thiểu kháng sinh Piperacillin/Tazobactam	Thanh nhựa, chứa kháng sinh Piperacillin có nồng độ $\geq 0,016\mu\text{g/ml}$ và $\leq 256\mu\text{g/ml}$, Tazobactam có nồng độ $\geq 4\mu\text{g/ml}$		Thanh	90
Tổng cộng: 28 mặt hàng						

Ghi chú:

1: Số lượng, khối lượng hàng hoá là số lượng dự kiến, khi xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu có thể tăng/giảm 30% so với yêu cầu báo giá

PHỤ LỤC 2

Công ty

Địa chỉ/SĐT:.....

....., Ngày.....tháng.....năm.....

BÁO GIÁ

Kính gửi:

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Mã HH ⁽¹⁾	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Tên thương mại thiết bị y tế ⁽³⁾	Mã hiệu, model ⁽⁴⁾	Thông số kỹ thuật của thiết bị y tế ⁽⁵⁾	Đơn vị tính ⁽⁶⁾	Quy cách ⁽⁷⁾	Mã HS ⁽⁸⁾	Năm sản xuất ⁽⁹⁾	Hãng – nước sản xuất ⁽¹⁰⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽¹¹⁾	Đơn giá ⁽¹²⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽¹³⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁴⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹⁵⁾ (VND)
1															
2															
n		...													

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày tháng năm 2023.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Các thông số kỹ thuật sản phẩm báo giá tại mục 1 của Bản báo giá đúng với các thông tin trong tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật của thiết bị y tế do chúng tôi chào giá và phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo yêu cầu của bên mời chào giá (tại *Phụ lục 1*).

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực. Chúng tôi chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trong bản báo giá.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹⁶⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Mã HH ghi theo mã hàng hóa mời chào giá

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ Tên thương mại của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể Mã hiệu, model của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(5) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi các Thông số kỹ thuật của thiết bị y tế phù hợp với Thông số kỹ thuật mời chào giá.



- (6), (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể đơn vị tính, quy cách của thiết bị y tế.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (9), (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể lần lượt năm sản xuất, hãng – nước sản xuất của thiết bị y tế.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (12) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá [đã bao gồm Chi phí cho các dịch vụ liên quan (13), Thuế, phí, lệ phí (14)] tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (13) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (14) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
- (15) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
- (16) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

